

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:43/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 16/8/2022

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quyết

2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1985

ĐKKHKT: KDC T, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn B, xã A, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Thành C, sinh năm 1972

ĐKKHKT: KDC T, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Ngõ Đ, phố Đ, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

- Người làm chứng:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Thành C kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện

Nam Sách, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống cùng mẹ đẻ anh C tại khu T, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương một thời gian sau đó vợ chồng nên Hà Nội làm ăn. Đến năm 2019 thì vợ chồng không làm trên Hà Nội nữa mà về quê sống. Quá trình chung sống do chênh lệch nhau về tuổi tác nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh C chơi bời, lơ đãng, cờ bạc dẫn đến nợ nần nên đã bán hết nhà đất tại khu T, phường N, thành phố Hải Dương, vì vậy mẹ con chị không có chỗ ở mà phải về nhà mẹ đẻ chị ở thôn B, xã A, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương sinh sống từ năm 2019 đến nay. Quá trình chị và các con về nhà mẹ đẻ ở anh C thường xuyên về gây sự, phá phách đồ đạc, đánh cãi nhau với chị. Sự việc này xảy ra nhiều lần khiến cho gia đình chị rất bức xúc. Bản thân chị cũng muốn anh C tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình nên nhiều lần khuyên bảo anh C nhưng anh C không thay đổi. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng mỗi người một nơi, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Khoảng đầu năm 2020, chị có làm đơn xin ly hôn anh C gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, sau đó nghe Tòa án khuyên và chị cũng muốn cho anh C cơ hội về đoàn tụ nên đã rút đơn về. Nhưng khi chị rút đơn về đoàn tụ thì chị và anh C vẫn mâu thuẫn, không về chung sống với nhau mà mỗi người một nơi, anh C thuê nhà ở ngõ Đ, phố Đ, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương ở, còn chị và các con thì ở nhà mẹ đẻ tại huyện Nam Sách. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để chị ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị L xác định chị và anh C có 04 con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 09/8/2006, Vũ Thị Kim Ng, sinh ngày 04/06/2008; Vũ Thu M, sinh ngày 13/8/2014 và Vũ Tú A, sinh ngày 27/4/2019. Hiện nay cả bốn con đang ở với chị L từ năm 2019. Ly hôn quan điểm của chị xin nhận nuôi cả 04 con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập khoảng 9.000.000đ - 10.000.000đ/tháng. Ngoài ra khi được nghỉ chị còn đi làm thêm và có thu nhập thêm ngoài tiền lương ở công ty, đủ khả năng nuôi các con. Về chỗ ở hiện nay chị được mẹ đẻ cho đất nên đã xây nhà riêng cho mẹ con chị ở, nhà cửa rộng rãi, thoáng mát đảm bảo sinh hoạt và học tập cho các con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Thành C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác định về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế và điều kiện sống, chị L tự nghĩ ra anh chơi bời, cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác từ đó có những lời nói khiến anh bức xúc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng va chạm cãi nhau. Từ năm 2019 do vợ chồng không có nhà ở nên chị L cùng các con về nhà mẹ đẻ chị L ở An, Nam Sách ở, còn anh một mình thuê nhà trọ ở ngõ Đ, phố Đ, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương sinh

sống. Năm 2020, chị L làm đơn xin ly hôn anh nhưng anh không đồng ý ly hôn, vì vậy chị L đã rút đơn về nhưng vợ chồng cũng không về chung sống với nhau. Anh C xác định vợ chồng không sống chung từ năm 2019 đến nay. Anh cũng nhiều lần khuyên bảo chị L không ở nhà mẹ đẻ mà cả nhà đi ra ngoài thuê trọ nhưng chị L không nghe. Trong thời gian từ năm 2019 đến nay vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng, thỉnh thoảng đi làm có tiền anh vẫn gửi về cho chị L để nuôi con, còn khi không có tiền thì anh không gửi. Anh cũng đã đến nhà chị L để nhờ mẹ đẻ chị L khuyên bảo chị L về sống cùng anh nhưng chị L không về. Cũng có lần anh đến nhà mẹ đẻ chị L thì thấy chị L để mặc con cái ở nhà nên khi chị L về thì anh có nói to tiếng, vợ chồng xảy ra xô xát cãi nhau. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do gia đình nhà anh hiện nay bố mẹ đẻ anh đã chết, các em anh đi lấy chồng xa nên cũng không khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ mà thực tế quan điểm của anh là tự vợ chồng giải quyết mọi vấn đề. Bản thân anh đã nhiều lần bảo chị L về chung sống nhưng chị L kiên quyết không về sống cùng anh. Đến nay, chị L tiếp tục làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

- Về qua hệ con chung: Anh C xác định vợ chồng có 04 con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 09/08/2006; Vũ Thị Kim Ng, sinh ngày 04/6/2008; Vũ Thu M, sinh ngày 13/8/2014; Vũ Tú A, sinh ngày 27/04/2019. Hiện nay các con đang ở với chị L. Tại các lần hòa giải quan điểm của anh C xin nhận nuôi cả 04 con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa anh C đồng ý để chị L nuôi cả 04 con, việc cấp dưỡng nuôi con khi nào anh đi làm có tiền sẽ gửi cho chị L để chị L nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Trần Thị T (mẹ đẻ chị L) trình bày:

Chị L, anh C kết hôn vào năm 2005. Quá trình chung sống do vợ chồng chênh lệch nhau về tuổi tác nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh C chơi bời, không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình, bán hết đất đai là chỗ ở duy nhất của vợ chồng và các con, chính vì vậy từ năm 2019 mẹ con chị L phải về nhà bà ở. Quá trình mẹ con chị L về sống cùng bà ở xã A, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương anh C bỏ mặc chị L một mình nuôi con, không chu cấp cho con, thường xuyên về nhà bà gây sự, đánh cãi nhau với chị L, gây mất trật tự an ninh thôn xóm khu vực nhà bà. Sự việc trên diễn ra nhiều lần. Bà cũng khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh C bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn để chị L ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị L và anh C có 04 con chung. Hiện nay cả 04 cháu đang ở với chị L. Khi mẹ con chị L về chung sống với bà, bà đã cho chị L đất để chị L làm nhà cho các con ở. Hiện nay 04 mẹ con chị L đã có nhà ở riêng. Bà T đề nghị Tòa án giao cả 04 con cho chị L nuôi dưỡng, bà sẽ tạo mọi điều kiện hỗ trợ chị L lượt chăm sóc các con cho chị L khi chị L đi làm.

Kết quả xác minh tại địa phương theo ông Nguyễn Văn T – Trưởng khu T, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương cung cấp:

Chị L và anh C là công dân có hộ khẩu thường trú tại khu T, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương. Hiện nay vợ chồng chị L, anh C đã bán nhà ở khu và chuyển đi sinh sống ở đâu thì khu không biết. Quá trình vợ chồng sống ở khu cũng có mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế, anh C cũng đã bán hết nhà đất của gia đình, còn mâu thuẫn cụ thể thế nào thì khu không nắm được, khu cũng có nghe nói chị L hiện không còn chung sống với anh C mà đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Nam Sách ở. Nay chị L xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh C; Về con chung: Chị L xin nhận nuôi cả 04 con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh C không đồng ý ly hôn chị L. Về con chung: Anh C đồng ý để chị L nuôi cả 04 con, việc cấp dưỡng nuôi con khi nào anh đi làm có tiền sẽ gửi cho chị L để chị L nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Thành C; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 09/08/2006; Vũ Thị Kim Ng, sinh ngày 04/6/2008; Vũ Thu M, sinh ngày 13/8/2014; Vũ Tú A, sinh ngày 27/04/2019 đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không giải quyết; Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị L và anh Vũ Thành C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) ngày 09/9/2005, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L và gia đình trình bày là do anh C chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với các con, bỏ mặc chị L một mình nuôi con và còn nhiều lần về gây sự đánh cãi nhau với chị L. Chị L và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Anh C cho rằng nguyên nhân do khó khăn về kinh tế và điều kiện sống, chị L tự nghĩ ra anh có quan hệ với người khác và nghĩ anh chơi bời, cờ bạc từ đó có những lời nói khiến anh bức xúc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng va chạm cãi nhau. Cả chị L và anh C đều xác định vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, mỗi người ở một nơi và có công việc riêng. Năm 2020, chị L đã làm đơn xin ly hôn anh C nhưng anh C không đồng ý nên chị L đã rút đơn về đoàn tụ. Từ khi chị L rút đơn về vợ chồng cũng không về chung sống với nhau mà mỗi người ở một nơi, chị L và 04 con về nhà mẹ đẻ tại xã A, huyện Nam Sách ở còn anh C thuê trọ sinh sống một mình tại ngõ Đà, phố Đền Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng chị L vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh C. Anh C không đồng ý ly hôn chị L nhưng cũng không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Thành C là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh C đều xác định có 04 con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 09/08/2006; Vũ Thị Kim Ng, sinh ngày 04/6/2008; Vũ Thu M, sinh ngày 13/8/2014; Vũ Tú A, sinh ngày 27/04/2019. Quá trình giải quyết vụ án tại các buổi hòa giải chị L và anh C đều có quan điểm xin nhận nuôi cả 04 con và tự nguyện không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa anh C đồng ý để chị L nuôi cả 04 con.

Xét thấy: Từ năm 2019 đến nay cả 04 con đều ở với chị L. Cháu H, Ng, M đều trên 7 tuổi và có quan điểm xin ở với mẹ. Xét về điều kiện vật chất cũng như chỗ ở của chị L đảm bảo nuôi các con, mẹ đẻ chị L cũng hỗ trợ tạo mọi điều kiện để chăm sóc các con khi chị L đi làm. Do vậy để không làm xáo trộn chỗ ở, học tập của các con cũng như để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Tuấn H; Vũ Thị Kim Ng; Vũ Thu M; Vũ Tú A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị L và anh C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Thành C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 09/08/2006; Vũ Thị Kim Ng, sinh ngày 04/6/2008; Vũ Thu M, sinh ngày 13/8/2014; Vũ Tú A, sinh ngày 27/04/2019 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000211 ngày 14/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Nam Đồng, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang